


# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/ No: IPCAM-260327PW/PSI

## THIẾT BỊ CAMERA GIÁM SÁT SỬ DỤNG GIAO THỨC INTERNET CÁC YÊU CẦU AN TOÀN THÔNG TIN CƠ BẢN

*Surveillance Camera using Internet Protocol - baseline cybersecurity requirements*  
QCVN 135:2024/BTTTT

Ngày cấp / Issue date : 2026-03-27  
Tên khách hàng / Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP GEIC, GTEL  
Địa chỉ / Address : Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Tên mẫu thử / Sample name : Thiết bị đo tốc độ tự động có ghi hình sử dụng công nghệ cảm biến radar G-BUR2191DP  
Ký hiệu mẫu / Sample No. : PSI-IPCAM-26031103  
Nhãn thương mại / Trade mark :   
Tên model / Model name : G-BUR2191DP  
Thông số kỹ thuật / Specification : 24VDC/24VAC/PoE  
Hãng sản xuất / Manufacturer : CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP GEIC, GTEL  
Nhà máy sản xuất / Factory : Công ty cổ phần thiết bị đo điện EMIC  
Địa chỉ / Address of factory : KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu / Date of receiving : 2026-03-11  
Thời gian thử nghiệm / Testing time : 2026-03-13 ~ 2026-03-26  
Quy chuẩn áp dụng / Test method : QCVN 135:2024/BTTTT  
Kết luận / Conclusion : Đạt / Pass

Phòng thử nghiệm Điện-Điện tử PSI  
PSI Electrical-Electronic Testing Lab

Trương Thành Đạt










Giám đốc  
Director

TS. Lê Ngọc Bích

Lưu ý/ Note: 1. Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị đối với mẫu thử & thông tin do khách hàng cung cấp.  
2. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.  
3. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PSI.

1. The test results of this report are only limited to the samples & information provided by client.  
2. The information of the sample and of the customer are written as provided by the client.  
3. The test results of this report shall not be partially reproduced unless with written approval by PSI.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA MẪU THỬ / DUT SPECIFICATIONS	
Tên model / Model name	G-BUR2191DP
Phiên bản phần mềm / Firmware version	FCA-V1.1.1
Số seri / Serial number	Mẫu 1: 012500000023 Mẫu 2: 012500000024
Địa chỉ MAC / MAC Address	Mẫu 1: 4C:AD:DF:00:00:55 Mẫu 2: 4C:AD:DF:00:00:84
Ứng dụng cho hệ điều hành Android / App (Android)	N/A
Ứng dụng cho hệ điều hành iOS / App (iOS)	N/A
<p><b>Bản sao của nhãn hiệu / Copy of marking plate (representative)</b></p> <p>Ảnh minh họa dưới đây chỉ là bản phác họa. Việc sử dụng dấu chứng nhận trên sản phẩm phải được sự cho phép bởi các tổ chức chứng nhận / The artwork below may be only a draft. The use of certification marks on a product must be authorized by the respective NCBs that own these marks</p>	
<div style="border: 1px solid black; padding: 10px;"> <p><b>Nhà sản xuất:</b>  <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP GEIC - GTEL</b>                       Trụ sở chính: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội                      Thiết bị đo tốc độ tự động có ghi hình sử dụng công nghệ cảm biến radar                      Mã sản phẩm: G-BUR2191DP</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;"> <p>Nguồn cấp: 24VDC/24VAC/PoE                              Tiêu chuẩn: IP67, IK10                              Phạm vi đo tốc độ: 8-320km/h ± 3km/h                              Tần số hoạt động: 24.15GHz                              Năm sản xuất: 09/2025                              Sản xuất tại: Việt Nam</p> </div> <div style="width: 45%;">                               MAC: 4C:AD:DF:00:00:55                                Serial: 012500000023     </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: center; align-items: center; margin-top: 10px;">  <span style="margin: 0 5px;">8</span>  <span style="margin: 0 5px;">9 3 8 5 6 7   2 3 0 0 2 3</span> </div> </div>	
<p><b>Ký hiệu kết quả thử nghiệm / Possible test case verdicts:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu thử nghiệm đáp ứng yêu cầu                      Test object does meet the requirement..... : P (Pass)</li> <li>- Mẫu thử nghiệm không đáp ứng yêu cầu                      Test object does not meet the requirement..... : F (Fail)</li> <li>- Chỉ tiêu thử nghiệm không áp dụng đối với mẫu thử nghiệm                      Test case does not apply to the test object ..... : N/A (Not Applicable)</li> </ul>	

QCVN 135:2024/BTTTT			
Điều khoản	Nội dung thử nghiệm	Kết quả và nhận xét	Kết luận
<b>2.1</b>	<b>Khởi tạo mật khẩu duy nhất</b>	--	<b>P</b>
2.1.1	Mật khẩu của thiết bị camera được sử dụng trong bất kỳ trạng thái nào (trừ trạng thái mặc định xuất xưởng) phải là duy nhất cho mỗi thiết bị hoặc do người sử dụng thiết lập.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.1.2	Mật khẩu của thiết bị camera được thiết lập sẵn bởi nhà sản xuất, phải được tạo ra bởi cơ chế có khả năng phòng, chống các cuộc tấn công tự động.	Điều khoản yêu cầu đánh giá sự tuân thủ đối với các cơ chế khởi tạo khi có mật khẩu được cài đặt sẵn. Tuy nhiên, mẫu thử không được trang bị cơ chế khởi tạo mật khẩu cài đặt sẵn.	N/A
2.1.3	Cơ chế xác thực được sử dụng bởi thiết bị camera để xác thực người sử dụng phải sử dụng các mật mã an toàn, phù hợp với mục đích sử dụng, đặc tính công nghệ và nguy cơ, rủi ro.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.1.4	Thiết bị camera có cơ chế cho phép người sử dụng hoặc quản trị viên thay đổi giá trị xác thực một cách đơn giản.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.1.5	Cơ chế xác thực được sử dụng bởi thiết bị camera có khả năng ngăn chặn tấn công vét cạn (brute-force) qua các giao diện mạng.	Đáp ứng yêu cầu.	P
<b>2.2</b>	<b>Quản lý lỗ hổng bảo mật</b>	--	<b>P</b>
2.2.1	Nhà sản xuất phải công bố chính sách công bố lỗ hổng bảo mật. Chính sách này phải bao gồm tối thiểu các thông tin sau: a) Thông tin liên hệ để tiếp nhận thông tin về lỗ hổng; b) Thông tin về thời gian đối với các việc: - Xác nhận ban đầu về việc nhận được báo cáo; - Cập nhật trạng thái xử lý lỗ hổng bảo mật cho đến khi xử lý được các lỗ hổng bảo mật theo báo cáo.	Đáp ứng yêu cầu.	P
<b>2.3</b>	<b>Quản lý cập nhật</b>	--	<b>P</b>
2.3.1	Thiết bị camera có cơ chế cập nhật cho phép các phần mềm được cập nhật và cài đặt một cách an toàn.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.3.2	Thiết bị camera phải có cơ chế cho phép người sử dụng cập nhật phần mềm một cách đơn giản.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.3.3	Thiết bị camera phải sử dụng các mật mã an toàn để thực hiện đảm bảo an toàn cập nhật.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.3.4	Bản cập nhật an toàn phải được nhà sản xuất cung cấp kịp thời.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.3.5	Thiết bị camera có cơ chế kiểm tra tính xác thực và tính toàn vẹn của từng bản cập nhật sử dụng kết nối tin cậy thông qua giao diện mạng.	Đáp ứng yêu cầu.	P

QCVN 135:2024/BTTTT			
Điều khoản	Nội dung thử nghiệm	Kết quả và nhận xét	Kết luận
2.3.6	Nhà sản xuất phải công bố thời hạn hỗ trợ bảo hành đối với từng chủng loại thiết bị camera cho người sử dụng.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.3.7	Thiết bị camera cho phép người sử dụng tra cứu thông tin về mã, chủng loại sản phẩm thiết bị thông qua nhãn dán trên thiết bị hoặc qua giao diện vật lý.	Đáp ứng yêu cầu.	P
<b>2.4</b>	<b>Lưu trữ các tham số an toàn nhạy cảm</b>	--	<b>P</b>
2.4.1	Các tham số an toàn nhạy cảm phải được lưu trữ an toàn trên bộ nhớ của thiết bị camera.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.4.2	Khi một định danh duy nhất được mã hóa cứng trên camera dùng trong mục đích an toàn, nó phải được bảo vệ để chống lại sự thay đổi bởi các yếu tố vật lý, điện tử hoặc phần mềm.	Điều khoản yêu cầu đánh giá sự tuân thủ đối với các định danh mã hóa cứng. Tuy nhiên, mẫu thử không được trang bị định danh mã hóa cứng.	N/A
2.4.3	Các tham số an toàn quan trọng mã hóa cứng trong mã nguồn của camera không được sử dụng.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.4.4	Các tham số an toàn quan trọng được sử dụng để kiểm tra tính toàn vẹn và tính xác thực của các bản cập nhật phần mềm và để bảo vệ kết nối giao tiếp với các dịch vụ liên kết, phải là duy nhất cho mỗi thiết bị và phải được tạo ra với một cơ chế có khả năng phòng, chống các cuộc tấn công tự động.	Đáp ứng yêu cầu.	P
<b>2.5</b>	<b>Quản lý kênh giao tiếp an toàn</b>	--	<b>P</b>
2.5.1	Thiết bị camera sử dụng phải sử dụng các mật mã an toàn để thiết lập kênh giao tiếp an toàn.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.5.2	Thiết bị camera có chức năng xác thực các đối tượng thực hiện thay đổi liên quan đến an toàn trước khi áp dụng các thay đổi đó. Yêu cầu này không áp dụng đối với các giao thức như: ARP; DHCP; DNS; ICMP; NTP.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.5.3	Thiết bị camera phải đảm bảo tính bảo mật của các tham số an toàn quan trọng khi truyền qua môi trường mạng.	Điều khoản yêu cầu đánh giá sự tuân thủ đối với các giao diện mạng cho phép truy cập từ xa. Tuy nhiên, mẫu thử không được trang bị giao diện mạng cho phép truy cập từ xa.	N/A
2.5.4	Nhà sản xuất phải tuân thủ các quy trình quản lý các tham số an toàn quan trọng liên quan đến thiết bị camera.	Đáp ứng yêu cầu.	P
<b>2.6</b>	<b>Phòng chống tấn công thông qua các giao diện của thiết bị</b>	--	<b>P</b>
2.6.1	Tất cả giao diện mạng và logic của thiết bị camera mà không được sử dụng phải được vô hiệu hóa.	Đáp ứng yêu cầu.	P

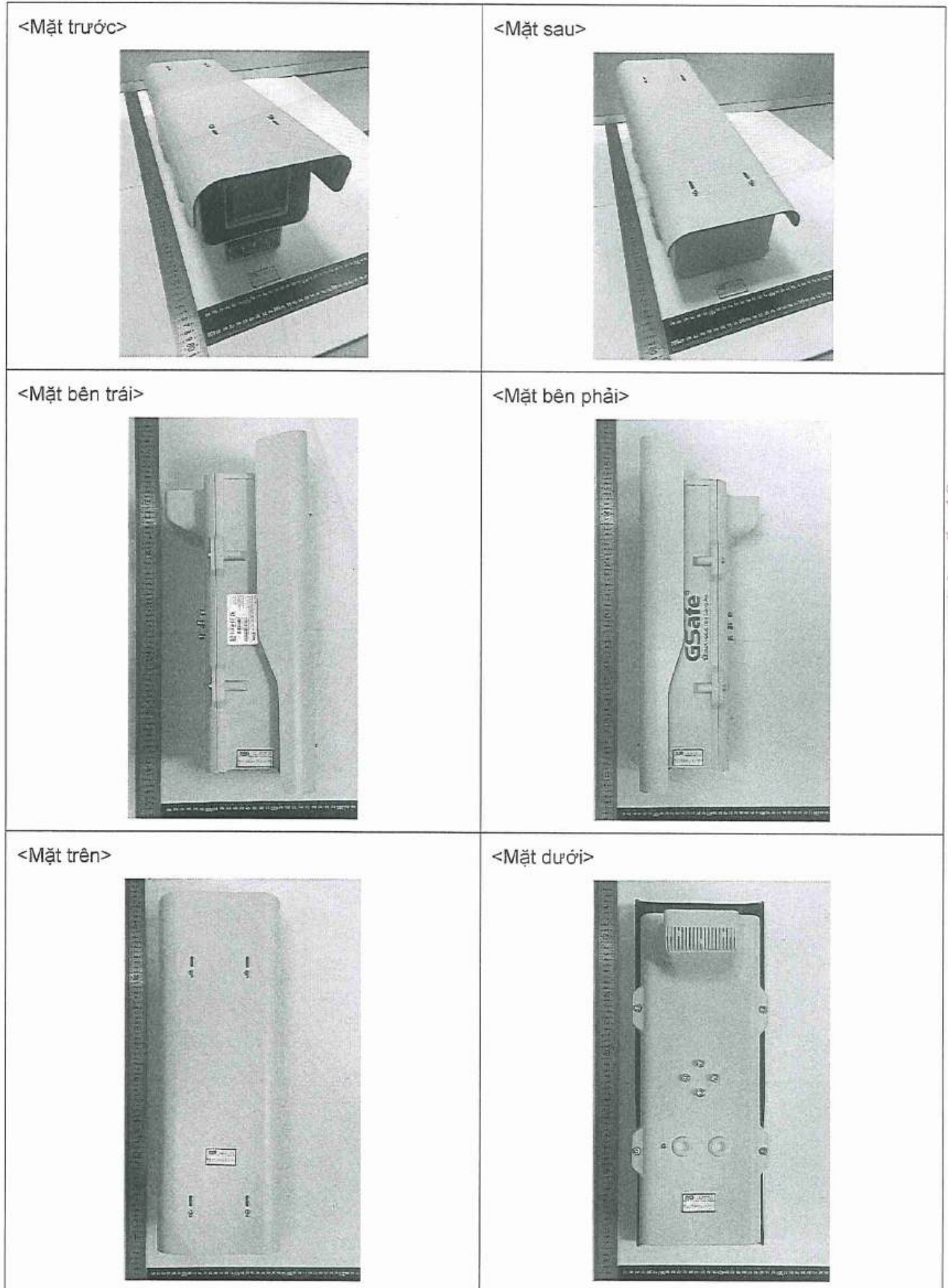
QCVN 135:2024/BTTTT			
Điều khoản	Nội dung thử nghiệm	Kết quả và nhận xét	Kết luận
2.6.2	Khi ở trạng thái hoạt động ban đầu, giao diện mạng của thiết bị camera phải giảm thiểu việc tiết lộ các thông tin liên quan đến an toàn khi quá trình xác thực chưa cho kết quả thành công.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.6.3	Trường hợp Camera có giao diện gỡ lỗi có thể truy cập được ở mức vật lý, phải có chức năng vô hiệu hóa giao diện gỡ lỗi bằng phần mềm.	Đáp ứng yêu cầu.	P
<b>2.7</b>	<b>Bảo vệ dữ liệu người sử dụng</b>	--	<b>P</b>
2.7.1	Dữ liệu cá nhân nhạy cảm được trao đổi giữa thiết bị camera và các dịch vụ liên kết phải được bảo vệ bằng cách ứng dụng các mật mã phù hợp với mục đích sử dụng và đặc tính công nghệ	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.7.2	Tất cả các chức năng cảm biến bên ngoài của thiết bị camera phải được mô tả đầy đủ và rõ ràng cho người sử dụng.	Đáp ứng yêu cầu.	P
<b>2.8</b>	<b>Khả năng tự khôi phục lại hoạt động bình thường sau sự cố</b>	--	<b>P</b>
2.8.1	Thiết bị camera phải có cơ chế khôi phục khi bị mất kết nối mạng hoặc bị mất điện.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.8.2	Thiết bị camera phải hoạt động được bình thường đối với các chức năng nội bộ khi bị mất kết nối mạng và khôi phục được hoàn toàn trạng thái hoạt động sau khi có điện trở lại.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.8.3	Thiết bị camera khôi phục lại kết nối mạng theo một cách trình tự và ổn định.	Đáp ứng yêu cầu.	P
<b>2.9</b>	<b>Xóa dữ liệu trên thiết bị camera</b>	--	<b>P</b>
2.9.1	Thiết bị camera có chức năng cho phép xóa dữ liệu người sử dụng trên thiết bị camera.	Đáp ứng yêu cầu.	P
<b>2.10</b>	<b>Xác thực dữ liệu đầu vào</b>	--	<b>P</b>
2.10.1	Phần mềm của thiết bị camera phải xác thực dữ liệu đầu vào từ các giao diện người sử dụng hoặc được truyền qua các giao diện lập trình ứng dụng (API) hoặc giữa các dịch vụ và thiết bị.	Đáp ứng yêu cầu.	P
<b>2.11</b>	<b>Bảo vệ dữ liệu trên thiết bị camera</b>	--	<b>P</b>
2.11.1	Nhà sản xuất phải cung cấp đầy đủ thông tin về mục đích, cách thức thu thập, xử lý và lưu trữ dữ liệu cá nhân được thu thập và xử lý bởi thiết bị camera, dịch vụ liên kết hoặc bên thứ ba (nếu có).	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.11.2	Thiết bị camera phải có chức năng xác nhận sự đồng ý của người sử dụng đối với việc cho phép thiết bị camera thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.11.3	Thiết bị camera phải có chức năng cho phép người sử dụng thu hồi sự đồng ý đối với việc cho phép thiết bị camera thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân.	Đáp ứng yêu cầu.	P

02/10/2024  
 T. ANH  
 V. H.

QCVN 135:2024/BTTTT			
Điều khoản	Nội dung thử nghiệm	Kết quả và nhận xét	Kết luận
2.11.4	Dữ liệu đo đạc từ xa được thu thập từ thiết bị camera phải được mô tả đầy đủ về mục đích, đối tượng thu thập và nơi lưu trữ.	Đáp ứng yêu cầu.	P
2.11.5	Thiết bị camera có chức năng cho phép thiết lập cấu hình để lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam.	Đáp ứng yêu cầu.	P

11/01/2024 - 15:22:14

Hình ảnh sản phẩm/ Photos of sample, model G-BUR2191DP



----- HẾT -----